TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HS-ST
Ngày 07/3/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trọng Bộ
2. Ông Nguyễn Ngọc Tuy.

- Thư ký phiên toà: Ông Đinh Quốc Cường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Nhuần - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 03/2018/TLST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST-HS ngày 06/02/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2018/HSST-QĐ ngày 13/02/2018 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXXST-HS ngày 21/02/2018 đối với các bị cáo:

1. Bùi Quang Đ, sinh năm 1984 tại huyện K, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: thôn L, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Anh Đ (tên khác: Bùi Quang Đ) và bà Nguyễn Thị C; có vợ là Nguyễn Thị Y và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 05/01/2018 đến ngày 08/01/2018, hiện đang tại ngoại; có mặt.

2. Bùi Quang H, sinh năm 1963 tại huyện K, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: thôn L, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Quang H và bà Bùi Thị H; có vợ là Nguyễn Thị T và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 05/01/2018 đến ngày 08/01/2018, hiện đang tại ngoại; có mặt.

3. Nguyễn Thị H1, sinh năm 1975 tại huyện G, thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: thôn H, xã D, huyện G, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Phùng Thị V; có chồng là Bùi Quang H2 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 05/01/2018 đến ngày 08/01/2018, hiện đang tại ngoại; có mặt.

4. Nguyễn Thị Q, sinh năm 1960 tại huyện K, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: thôn L, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức H (đã chết) và bà Lương Thị N (đã chết); có chồng là Nguyễn Đức Q và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 05/01/2018 đến ngày 08/01/2018, hiện đang tại ngoại; có mặt.

Người có quyền lợi liên quan: Anh Bùi Quang H2, sinh năm 1971; Nơi cư trú: thôn L, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

Người làm chứng: Anh Tăng Tất Q, sinh năm 1958; Nơi cư trú: thôn H, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 05/01/2018, Bùi Quang Đ, Bùi Quang H, Nguyễn Thị Q lần lượt đi bộ từ nhà đến quán cắt tóc của anh Bùi Quang H2, sinh năm 1971 ở thôn L, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương chơi, uống nước. Tại đây, Đ rủ H, Q đánh bạc bằng hình thức đánh phỏm được thua bằng tiền thì H, Q đồng ý cùng Đ đi xuống phòng ngủ của vợ chồng anh H2 gặp Nguyễn Thị H1 (vợ anh H2), Đ rủ H1 đánh bạc thì H1 đồng ý. Đ lấy chiếc chăn nỉ trên giường trải xuống nền nhà, lấy bộ tú lơ khơ 52 quân bài trên mặt két trong phòng ngủ, rồi cùng H, Q, H1 ngồi xuống đánh bạc bằng hình thức đánh phỏm được thua bằng tiền. Mỗi người được chia 9 quân bài, riêng người chia bài được chia 10 quân và được quyền đánh trước, số bài còn lại để ở giữa là bài lọc, đánh đến khi hạ phỏm ai cộng điểm các lá bài trên tay ít nhất thì thắng, nhiều hơn là thua, quy định mức tiền sát phạt là người về nhì, ba, tư lần lượt nộp cho người về nhất 20.000đồng, 40.000đồng, 60.000đồng, ai cháy (tức là không có phỏm nào) phải nộp cho người nhất 80.000đồng, người nào ù (tức là có phỏm và không lẻ quân bài nào) thì người còn lại mỗi người phải nộp 100.000đồng cho người ù. Khi đánh bạc, Đ sử dụng 900.000đồng, H sử dụng 3.500.000đồng, H1 sử dụng 950.000đồng, Q sử dụng 1.210.000đồng để đánh bạc. Các đối tượng đánh bạc đến 14 giờ 30 phút

cùng ngày bị lực lượng Công an huyện Kim Thành kết hợp với Công an xã Cộng Hòa bắt quả tang thu giữ: 01 chăn nỉ, 01 bộ tú lơ khơ 52 quân bài và số tiền 6.590.000đồng.

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 01/QĐ-VKS ngày 02/02/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương truy tố Bùi Quang Đ, Bùi Quang H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị Q về tội " Đánh bạc", theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương thực hành quyền công tố tại phiên tòa trình bày luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội Đánh bạc.

Áp dụng khoản 01 Điều 321 Bộ luật Hình sự, điểm s khoản 01 và khoản 02 Điều 51, Điều 17, Điều 58 đối với Bùi Quang Đ, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù.

Áp dụng khoản 01 Điều 321 Bộ luật Hình sự, điểm s khoản 01 và khoản 02 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 đối với Bùi Quang H, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 21 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ .

Áp dụng khoản 01 Điều 321 Bộ luật Hình sự, điểm s khoản 01 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 đối với Nguyễn Thị H1, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 18 đến 21 tháng cải tạo không giam giữ .

Áp dụng khoản 01 Điều 321 Bộ luật Hình sự, điểm i, s khoản 01 và khoản 02 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 đối với Nguyễn Thị Q, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 18 đến 21 tháng cải tạo không giam giữ.

Ngoài ra, quan điểm của Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo và xem xét giải quyết về vật chứng và án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan Điều tra Công an huyện Kim Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, nội dung Biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 14 giờ ngày 05/01/2018, tại quán cắt tóc của anh Bùi Quang H2 ở thôn L, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương, Bùi Quang Đ, Bùi Quang H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị Q có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh phỏm mục đích sát phạt nhau bằng tiền đến 14 giờ 30 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an huyện Kim Thành phát hiện bắt quả tang thu giữ tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 6.590.000đồng. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm tội Đánh bạc quy định tại khoản 01 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo về tội phạm trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, làm mất trật tự an toàn xã hội, gây dư luận xấu trên địa bàn nơi xảy ra tội phạm. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh bạc là trái pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện để sát phạt nhau nhằm thu lợi bất chính. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò phạm tội của từng bị cáo trong vụ án này thì thấy: Bị cáo Bùi Quang Đ là người rủ rê, lôi kéo, trực tiếp chuẩn bị công cụ phương tiện phạm tội và tham gia đánh bạc tích cực từ đầu đến khi bị bắt nên giữ vai trò thứ nhất. Còn lại các bị cáo Bùi Quang H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị Q tham gia với vai trò đồng phạm cùng thực hiện tích cực.

[5] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: Bị cáo Bùi Quang Đ, Nguyễn Thị Q có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo Bùi Quang H và Nguyễn Thị H1 mặc dù được xác định là không có tiền án, tiền sự, song H đã từng bị kết tội Truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy và bị áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo. Bị cáo H1 từng bị xử phạt hành chính về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị Q lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên Q được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 01 Điều 51 Bộ luật Hình

sự. Ngoài ra, bị cáo Bùi Quang Đ, Bùi Quang H, Nguyễn Thị Q gia đình có công với cách mạng. Bị cáo Đ có bố đẻ là ông Bùi Anh Đ được Chủ tịch nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất. Bị cáo H có bố đẻ là ông Bùi Quang H và mẹ đẻ là bà Bùi Thị H được Hội đồng Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất và hạng Nhì. Bị cáo Q có bố đẻ là Nguyễn Đức H và mẹ đẻ là bà Lương Thị N được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba và Huy chương kháng chiến hạng Nhì. Vì vậy, Đ, H và Q được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 02 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Từ phân tích đánh giá về tính chất mức độ hành vi phạm tội, vai trò phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy đối với bị cáo Bùi Quang Đ cần phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định tương xứng với tính chất hành vi, vai trò của bị cáo để giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người công dân lương thiện có ích cho xã hội. Đối với bị cáo Bùi Quang H, Nguyễn Thị H1 và Nguyễn Thị Q có vai trò sau cùng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo và khấu trừ một phần thu nhập của các bị cáo trong thời gian bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ điều kiện giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người công dân lương thiện có ích cho xã hội và thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

[7] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự còn quy định hình phạt bổ sung là phạt tiền. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo, song xét tính chất hành vi các bị cáo đã thực hiện, chỉ cần phạt tiền các bị cáo với mức khởi điểm của điều luật cũng là phù hợp.

[8] Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương đã thu tại chiếu bạc số tiền 6.590.000đồng. Xét thấy, đây là số tiền mà các bị cáo đã dùng làm công cụ để thực hiện hành vi phạm tội nên cần phải tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ, 01 chăn nỉ các bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội không có giá trị sử dụng, nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

[9] Về án phí: Các bị cáo bị kết luận có tội, nên các bị cáo đều phải chịu tiền án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 01 và khoản 03 Điều 321, điểm s khoản 01 và khoản 02 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Quang Đ; khoản 01 và khoản 03 Điều 321, điểm s khoản 01 và khoản 02 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Quang H; khoản 01 và khoản 03 Điều 321, điểm s khoản 01 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị H1; khoản 01 và khoản 03 Điều 321, điểm i, s khoản 01 và khoản 02 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Q; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 02 Điều 106, khoản 02 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố các bị cáo Bùi Quang Đ, Bùi Quang H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị Q phạm tội " Đánh bạc ".

2. Về hình phạt chính:

Xử phạt bị cáo **Bùi Quang Đ** 07 (*bảy*) tháng tù được trừ đi 03 ngày tạm giữ, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo **Bùi Quang H** 21 *(hai mươi mốt)* tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian đã bị tạm giữ sau khi quy đổi là 09 ngày, bị cáo còn phải chấp hành 20 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo được tính từ ngày cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H1** 18 *(mười tám)* tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ sau khi quy đổi là 09 ngày, bị cáo còn phải chấp hành 17 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo được tính từ ngày cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Q** 18 *(mười tám)* tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ sau khi quy đổi là 09 ngày, bị cáo còn phải chấp hành 17 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo được tính từ ngày cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ 10% thu nhập của các bị cáo Bùi Quang H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị Q trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ để sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Bùi Quang H, Nguyễn Thị Q cho Ủy ban nhân dân xã Cộng Hòa, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Nguyễn Thị H1 cho Ủy ban nhân dân xã Dương Hà, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội giám sát và giáo dục trong thời gian thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

3. Về hình phạt bổ sung:

Buộc các bị cáo Bùi Quang Đ, Bùi Quang H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị Q mỗi bị cáo phải nộp 10.000.000đồng*(mười triệu)* tiền phạt bổ sung sung quỹ Nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 6.590.000đồng; Tịch thu cho hủy bỏ 01 bộ tú lơ khơ 52 quân, 01 chăn nỉ *(Toàn bộ vật chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06/02/2018)*

5. Về án phí:

Buộc các bị cáo Bùi Quang Đ, Bùi Quang H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Kim Thành;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- CQĐT Công an huyện Kim Thành;
- CQTHA Hình sự huyện Kim Thành;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- Các bị cáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Bích